

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS - ST
Ngày 05 - 6 - 2025.
V/v "Tranh chấp về nghĩa
vụ dân sự".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Bá.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tình
2. Ông Phạm Bá Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hà Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1991. Nơi đăng ký thường trú: Thôn TA, xã TL, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: đường Nguyễn Phong Sắc, phường AM, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị Ngọc H2, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khối phố MB, phường AM, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

+ Bà Trần Thuý D, sinh năm 1994. Nơi đăng ký thường trú: Thôn 5, xã TN, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: đường Huỳnh Thúc Kháng, phường AX, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Khối phố 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Việt Th, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Khối phố PA, phường AP, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Khối phố PA, phường AP, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà các nguyên đơn trình bày:

Năm 2023, ông Nguyễn Viết Th mua Điện thoại di động và Ipad của bà D, bà Nh bán lại cho bà H1, bà H2. Thời gian đầu ông Th thực hiện việc mua bán đảm bảo đủ số lượng theo số tiền đã chuyển của các bên. Thời gian sau ông Th thực hiện việc mua bán không đúng, đủ số lượng đã thoả thuận mặc dù tiền hàng đã nhận.

Tính đến tháng 8 năm 2023 ông Th nợ bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 230.100.000 đồng; nợ bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 614.200.000 đồng; nợ bà Trần Thuý D số tiền 282.560.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 278.880.000 đồng. Sau nhiều lần đòi nợ mà ông Th cứ hứa hẹn nhưng không trả nên ngày 26/9/2023 các nguyên đơn làm đơn tố cáo đến Cơ quan công an, tại cơ quan Công an ông Th thừa nhận có nợ các nguyên đơn số tiền như đã nêu trên. Ngày 02/02/2024, ông Th và gia đình đã trả cho các nguyên đơn số tiền tổng cộng là 430.000.000 đồng bao gồm trả bà H1 100.000.000 đồng; trả bà H2 200.000.000 đồng; trả bà D 60.000.000 đồng; trả bà Nh 70.000.000 đồng. Đồng thời, ông Nguyễn Viết Th cùng với mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L viết giấy cam kết chậm nhất đến ngày 02/8/2024 sẽ trả dứt điểm số nợ còn lại. Đến thời hạn trả nợ theo cam kết nhưng ông Th, bà Liễu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Viết Th và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền còn nợ bao gồm:

Trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 117.100.000 đồng

Trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 398.000.000 đồng

Trả cho bà Trần Thuý D số tiền 222.560.000 đồng

Trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 172.060.000 đồng.

Tại phiên toà, bà H1, bà H2 khai nhận vào tháng 1/2025, ông Th có trả cho mỗi bà số tiền 20.000.000 đồng. Vì vậy, bà H1 yêu cầu Toà án buộc ông Th, bà Liễu phải trả số tiền còn nợ là 97.100.000 đồng; bà H2 yêu cầu Toà án buộc ông Th, bà Liễu phải trả số tiền còn nợ là 378.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ của Nguyễn Viết Th, khoảng tháng 8 năm 2023 có nhiều người lạ mặt liên tục đến nhà bà yêu cầu gặp Th để đòi nợ, khiến cho cuộc sống gia đình luôn bất an và lo lắng. Từ khoảng tháng 8 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023, bà đã vay mượn và lấy tiền tiết kiệm của bản thân để trả nợ cho Th với số tiền 800.000.000 đồng. Tháng 11/2023, Cơ quan Công an yêu cầu đến làm việc và bà được biết ông Th còn nợ số tiền 1.410.740.000 đồng. Vì lo lắng cho con nên đến ngày 02/02/2024 bà tiếp tục vay mượn để trả cho các bà Nguyễn Thị Mỹ H1, Phạm Thị Ngọc H2, Trần Thuý D, Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 430.000.000 đồng và đồng thời có ký vào giấy tự nguyện thoả thuận và giấy cam kết trả nợ đề ngày 02/02/2024. Tuy nhiên, bà chỉ hứa hẹn với những người này là sẽ trả nợ trong điều kiện, khả năng của bà chứ bà tuổi già, không có nhiều tiền và họ đồng ý nên bà ký vào giấy này. Từ sau khi ký giấy, bà L cũng đã cố gắng gom góp để có tiền trả nợ nhưng với khả năng của bản thân thì không thể trả thêm bất cứ khoản nợ nào khác. Khoản nợ này vốn do anh Nguyễn Viết Th giao dịch buôn bán với các bà Nguyễn

Thị Mỹ H1, Phạm Thị Ngọc H2, Trần Thuý D, Nguyễn Thị Quỳnh Nh chứ hoàn toàn không liên quan đến bà.

Nay các bà Nguyễn Thị Mỹ H1, Phạm Thị Ngọc H2, Trần Thuý D, Nguyễn Thị Quỳnh Nh khởi kiện đến Toà án yêu cầu trả nợ thì bà Nguyễn Thị L đề nghị toà án xem xét loại trừ trách nhiệm trả nợ của bà đối với toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Viết Th mặc dù đã được Toà án Tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ, hoà giải Nhng vẫn không đến Toà án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Toà án xem xét giải quyết. Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng và đầy đủ. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký được phân công đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn khi tham gia giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở để xác định ông Nguyễn Viết Th có quan hệ mua bán hàng hoá với bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh và nợ số tiền Nh nguyên đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa. Ngày 02/02/2024, ông Th, bà Liễu đã có văn bản tự nguyện thoả thuận và giấy cam kết trả nợ cho nguyên đơn. Nh vậy, nghĩa vụ trả nợ không những ông Th phải thực hiện mà bà Liễu cũng phải thực hiện. Do đó, cần buộc bị đơn ông Th, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Vì vậy, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 276 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 97.100.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 378.000.000 đồng; Trả cho bà Trần Thuý D số tiền 222.560.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 172.060.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo cam kết, thoả thuận. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh

Quảng Nam nên vụ án có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp nghĩa vụ dân sự*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L Nhng đây là lần triệu tập thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H1, bà H2 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về giảm số tiền yêu cầu trả nợ so với đơn khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử nhận định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi giảm yêu cầu trả nợ so với yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi ban đầu.

[2] Nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh có quan hệ mua bán hàng hoá với ông Nguyễn Viết Th là con của bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình giao dịch mua bán ông Th nợ tiền các bà H1, H2, D, Nh mà không trả nợ nên các bà làm đơn tố cáo đến Cơ quan công an. Tại cơ quan Công an, ông Nguyễn Viết Th thừa nhận việc mình nợ tiền các bà H1, H2, D, Nh và cam kết trả nợ trong thời hạn từ 03 đến 06 tháng kể từ ngày 02/02/2024 với sự tham gia ký kết, thoả thuận của bà Nguyễn Thị L. Ngày 04/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự với lý do Nguyễn Viết Th nợ tiền là giao dịch dân sự, không có sự việc phạm tội. Tính đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn cam kết trả nợ mà bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể là trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 97.100.000 đồng; trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 378.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thuý D số tiền 222.560.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 172.060.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng vì thương con nên có ký các giấy thoả thuận, cam kết trả nợ chứ bà không quen biết, không giao dịch làm ăn với các nguyên đơn nên đề nghị Tòa án xem xét loại trừ trách nhiệm trả nợ cho bà.

[3] Hội đồng xét xử nhận định: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp “*Giấy tự nguyện thoả thuận*”; “*Giấy cam kết*”; “*Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm*”; “*Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự*”, có căn cứ xác định ông Nguyễn Viết Th có quan hệ mua bán hàng hoá với bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh và nợ tiền chưa trả. Ngày 02/02/2024, ông Nguyễn Viết Th cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị L tự nguyện lập giấy thoả thuận, giấy cam kết trả nợ với các bà H1, H2, D, Nh và xác nhận số tiền nợ theo đúng như trình bày của các nguyên đơn. Xét rằng, việc lập giấy thoả thuận; giấy cam kết trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ông Th, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo đúng nội dung thoả thuận, cam kết là phù hợp với quy định tại các Điều 274, 275, 280 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị L cho rằng vì thương con nên có ký các giấy thoả thuận, cam kết trả nợ chứ bà không quen biết, không giao dịch làm ăn với các nguyên đơn nên đề nghị Tòa án xem xét loại trừ trách nhiệm trả nợ cho bà. Hội đồng

xét xử nhận định: Quan hệ mua bán hàng hoá giữa ông Th và các bà H1, H2, D, Nh khi xác lập, thực hiện thì ông Th là người có đầy đủ năng lực hành vi Dân sự nên ông Th phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, do ông Th không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn tố cáo đến Cơ quan chức năng có thẩm quyền thì ông Nguyễn Viết Th và bà Nguyễn Thị L tự nguyện lập văn bản thoả thuận, cam kết trả nợ. Như vậy, kể từ thời điểm các văn bản thoả thuận, cam kết trả nợ được lập ngày 02/02/2024 thì trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Viết Th đã được chuyển giao một phần cho bà Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận định có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 97.100.000 đồng; trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 378.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thuý D số tiền 222.560.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 172.060.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền mà Tòa án tuyên buộc phải trả cho các nguyên đơn tương ứng với số tiền án phí là 38.091.600 đồng {36.000.000 đồng + 3% (69.720.000 đồng)}.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 280; Điều 288; Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh đối với bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền 97.100.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng*); trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 378.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng*); trả cho bà Trần Thuý D số tiền 222.560.000 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*); trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 172.060.000 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm sáu chục nghìn đồng*). Chia phần cho ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu một nửa nghĩa vụ trả nợ nêu trên đối với các bà Nguyễn Thị Mỹ H1, Phạm Thị Ngọc H2,

Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 38.091.600 đồng (*Ba mươi tám triệu, không trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm đồng*).

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 số tiền tạm ứng án phí 2.927.500 đồng (*Hai triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0001805 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Th phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền tạm ứng án phí 9.950.000 đồng (*Chín triệu, chín trăm năm chục nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001806 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Th phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Hoàn trả cho bà Trần Thuý D số tiền tạm ứng án phí 5.564.000 đồng (*Năm triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001807 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Th phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền tạm ứng án phí 4.301.500 đồng (*Bốn triệu, ba trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0001808 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Th phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Ngọc H2, bà Trần Thuý D, bà Nguyễn Thị Quỳnh Nh có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2025).

Bị đơn ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND TP Tam Kỳ
- Các đương sự
- Thi hành án.
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Công Bá

